

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA

1. Vốn chủ sở hữu: 281.215.062.616 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng

- Quỹ đầu tư phát triển : 26.215.062.616 đồng

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 334.577.625.996 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 20.119.764.610 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{23.977.712.224}{276.688.115.579} = 8,67\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0867 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{20.119.764.610}{276.688.115.579} = 7,27\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0727 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{20.119.764.610}{329.877.392.571} = 6,10\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0610 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{275.179.133.233+275.179.133.233+275.179.133.233+281.215.062.616}{4} = 276.688.115.579 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{315.107.045.492+331.968.256.408+337.856.642.388+334.577.625.996}{4} = 329.877.392.571 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): không.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B)

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật và năm 2021 công ty kinh doanh có lợi nhuận.



3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2021 là: 26.418.085.573 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 6.059.741.802 đồng.*
- * *Đã trích lập dự phòng: 4.111.676.091 đồng.*
- * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 292.484.104 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2021 là: 53.362.563.380 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{43.251.114.930}{34.901.022.152} = 1,24$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{43.251.114.930 - 11.574.995.600}{34.901.022.152} = 0,91 \end{aligned}$$

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{53.362.563.380}{281.215.062.616} = 18,96\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C)

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2021 đạt 20.998 triệu trang in đạt 110,52% kế hoạch, giảm 11,20% so với năm 2019 tương đương 2.649 triệu trang in và tăng 12,56% so với năm 2020 tương đương 2.343 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 là 156.705 triệu đồng đạt 93,84% kế hoạch, giảm 20,20% so với năm 2019 tương đương 39.666 triệu đồng, giảm 8,54% so với năm 2020 tương đương 14.623 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2021 là 104.132 triệu đồng, giảm 21,76% so với năm 2019 tương đương 28.956 triệu đồng, giảm 5,58% so với năm 2020 tương đương 6.153 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2021 là 950 triệu đồng, tăng 235,69% so với năm 2019 tương đương 667 triệu đồng, tăng 18,90% so với năm 2020 tương đương 151 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 47.723 triệu đồng, giảm 15,98% so với năm 2019 tương đương 9.076 triệu đồng, giảm 10,40% so với năm 2020 tương đương 5.542 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 là 14.788 triệu đồng đạt 105,63% kế hoạch, tăng 35,28% so với năm 2019 tương đương 3.857 triệu đồng, tăng 53,18% so với năm 2020 tương đương 5.134 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2021 là 7.901 triệu đồng đạt 79,01% kế hoạch, giảm 43,90% so với năm 2019 tương đương 6.182 triệu đồng, giảm 16,66% so với năm 2020 tương đương 1.579 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2021 là 2.610 triệu đồng, giảm 37,50% so với năm 2019 tương đương 1.566 triệu đồng, giảm 28,43% so với năm 2020 tương đương 1.037 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 23.977 triệu đồng, đạt 102,47% kế hoạch, giảm 11,32% so với năm 2019 tương đương 3.062 triệu đồng, tăng 6,73% so với năm 2020 tương đương 1.511 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 20.120 triệu đồng, đạt 107,48% kế hoạch, giảm 8,42% so với năm 2019 tương đương 1.851 triệu đồng, tăng 2,87% so với năm 2020 tương đương 561 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 8,67%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,27%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,10%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2021:
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
 - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ)

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
ITAXA
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Châu Phúc

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2021			Giải ngân đến ngày 31/12/2021 (triệu đồng)			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2021	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		
1																		

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)
Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)
Đặng Thị Ngọc Hiền

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021				
		Kế hoạch	Năm 2020	Tại thời điểm 31/12/2021	Kế hoạch	Năm 2020	Tại thời điểm 31/12/2021										
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785				27.400	31.605	49.887	53.267	318	2.587	228	1,00%	4,26	0,29
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																

Hồ: đồng thành viên
CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Hồ: đồng đốc
CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Bản hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	23.647	18.655	19.000	20.998	88,80%	112,56%	110,52%
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	23.647	18.655	19.000	20.998	88,80%	112,56%	110,52%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	196.371	171.328	167.000	156.705	79,80%	91,46%	93,84%
2. Giá vốn bán hàng	133.088	110.285		104.132	78,24%	94,42%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.283	61.043		52.573	83,08%	86,12%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	10.931	9.654	14.000	14.788	135,28%	153,18%	105,63%
5. Chi phí tài chính	0	0		2	100,00%	100,00%	
6. Chi phí bán hàng	283	799		950	335,69%	118,90%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.799	53.265		47.723	84,02%	89,60%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.132	16.633		18.686	109,07%	112,34%	
9. Thu nhập khác	14.083	9.480	10.000	7.901	56,10%	83,34%	79,01%
10. Chi phí khác	4.176	3.647		2.610	62,50%	71,57%	
11. Lợi nhuận khác	9.907	5.833		5.291	53,41%	90,71%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.039	22.466	23.400	23.977	88,68%	106,73%	102,47%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.068	2.907		3.857	76,10%	132,68%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0		0			
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.971	19.559	18.720	20.120	91,58%	102,87%	107,48%

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)Người lập biểu
(Ký)Kế toán trưởng
(Ký)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	1.960.725.945	21.717.783.439	22.704.585.831	973.923.553
- Thuế GTGT	718.961.127	8.602.500.251	8.822.225.416	499.235.962
- Thuế TNDN	353.285.597	3.857.947.614	3.938.040.272	273.192.939
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	888.479.221	9.257.335.574	9.944.320.143	201.494.652
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	1.163.100.568	1.229.884.839	2.163.100.568	229.884.839

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	20.179.133.233	6.035.929.383		26.215.062.616
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.486.427.575	12.555.250.000	13.948.710.000	5.092.967.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	297.048.045	298.700.388	229.791.000	365.957.433
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú:

* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 12.555.250.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế.

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA SINH
NĂM 2021

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm 2021 là 53.267 triệu đồng, tăng 6,78% so với năm 2020 tương đương 3.380 triệu đồng.
- Tổng chi phí năm 2021 là 50.029 triệu đồng, tăng 1,96% so với năm 2020 tương đương 963 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 3.238 triệu đồng, tăng 294,40% so với năm 2020 tương đương 2.417 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 2.587 triệu đồng, tăng 713,52% so với năm 2020 tương đương 2.269 triệu đồng.

2. Hiệu quả đầu tư vốn:

$$\begin{aligned} 2.1 \quad \text{Hệ số bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề}} \\ &= \frac{32.797.811.083}{32.797.811.083} = 1,00 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn = 1: Công ty Cổ phần Địa Sinh bảo toàn vốn.

$$\begin{aligned} 2.2 \quad \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu} &= 100\% \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}} \\ &= 100\% \times \frac{2.587.056.715}{31.604.564.975} = 8,19\% \end{aligned}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 8,19%, chỉ tiêu này đánh giá đầu tư 1 đồng vốn tạo ra được 0,0819 đồng lợi nhuận sau thuế.

3. Tình hình tài chính:

$$3.1 \quad \text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$= \frac{44.185.012.199}{10.372.171.970} = 4,26$$

$$3.2 \quad \text{Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$
$$= \frac{10.372.171.970}{35.397.513.104} = 0,29$$

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Đại diện chủ sở hữu

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận / Vốn CSH			Kết quả xếp loại DN	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV ITAXA	6,5%	7,2%	110,0%	A	A	A

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng